TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 14-01-2026.
V/v "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và cấp dưỡng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Trúc Linh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/. Ông Nguyễn Văn Thống.
2/. Ông Nguyễn Văn Hiệp.

Thư ký phiên tòa: bà Quách Thúy Lam – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long *tham gia phiên tòa*: bà Nguyễn Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2025/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 10 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và cấp dưỡng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2025/QĐXXST-HN ngày 11 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 198/2025/QĐST-HN, ngày 29/12/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1994 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp L, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: ông Kiên H, sinh năm 1989 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp L, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Con chung của bà L và ông H tên: Kiên Ngọc Q, sinh ngày 22/10/2012 và Kiên Ngọc M, sinh ngày 16/9/2016. Địa chỉ: Ấp L, xã T, tỉnh Vĩnh Long (yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Ngọc L là nguyên đơn trình bày: bà và ông H tự quen biết nhau, được cha mẹ hai bên gia đình đồng ý cho ông, bà tổ chức đám cưới năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C (nay là UBND xã T) vào ngày 06/3/2012, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian kéo dài được khoảng 13 năm, đến đầu năm 2024 ông, bà xảy ra nhiều

mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do ông, bà bất đồng ý kiến với nhau, không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, do vậy tình cảm vợ chồng không còn nữa, từ khoảng tháng 3 năm 2025 đến nay ông, bà đã không còn ở chung với nhau.

Về con chung: Qúa trình chung sống vợ chồng sinh được 02 người con chung tên tên Kiên Ngọc Q, sinh ngày 22/10/2012 và Kiên Ngọc M, sinh ngày 16/9/2016 hiện đang sống chung với bà.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tạo lập tài sản chung.

Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng bà.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

- Về hôn nhân: bà xin được ly hôn với ông Kiên H.

- Về nuôi con tên: Kiên Ngọc Q, sinh ngày 22/10/2012 và Kiên Ngọc M, sinh ngày 16/9/2016 hiện đang sống chung với bà, sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con, bà yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho mỗi đứa con và cấp dưỡng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Kiên H là bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Cháu Kiên Ngọc Q trình bày: Cháu là con của bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Kiên H, cháu học lớp 8 trường trung học cơ sở H1, hiện đang sống chung với mẹ, sau khi cha mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với mẹ là bà Nguyễn Thị Ngọc L.

Cháu Kiên Ngọc M trình bày: Cháu là con của bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Kiên H, cháu học lớp 4 trường tiểu học H2, hiện đang sống chung với mẹ, sau khi cha mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với mẹ là bà Nguyễn Thị Ngọc L.

Vụ kiện đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng ông Kiên H là bị đơn vắng mặt do đó không tiến hành phiên hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay cháu Kiên Ngọc Q và cháu Kiên Ngọc M là con của bà L và ông H vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, đối với ông Kiên H là bị đơn vắng mặt lần thứ 02 không có lý do.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền

và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên phía bị đơn ông Kiên H chưa chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể ông Kiên H không có mặt trong các phiên hòa giải, công khai chứng cứ mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ.

Về nội dung vụ kiện Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 19, 56, 81, 82, 83, 107, 110 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Điều 7 Nghị quyết: 01/2024 ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị định số: 74/2024 ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc L.

Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với ông Kiên H.

Về con chung: bà Nguyễn Thị Ngọc L được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng Kiên Ngọc Q, sinh ngày 22/10/2012 và Kiên Ngọc M, sinh ngày 16/9/2016.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông Kiên H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Kiên Ngọc Q và Kiên Ngọc M mỗi tháng 1.725.000 đồng cho mỗi người con, cấp dưỡng cho đến khi cháu Q và cháu M đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, nên không xem xét.

Vị còn đề nghị buộc các đương sự có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa hôm nay cháu Kiên Ngọc Q và cháu Kiên Ngọc M là con của bà L và ông H vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, đối với ông Kiên H là bị đơn vắng mặt lần thứ 02 không có lý do, căn cứ Điều Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

Về xác định quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và cấp dưỡng", thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dụng vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân của bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Kiên H được xác lập vào năm 2012, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C (nay là Ủy ban nhân dân xã T) vào ngày 06/3/2012 đúng quy định của pháp luật. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, từ đó xác định hôn nhân giữa bà L và ông H là hôn nhân hợp pháp.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo bà L cho rằng thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian kéo dài được khoảng 13 năm, đến đầu năm 2024 ông, bà xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do ông, bà bất đồng ý kiến với nhau, không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, do vậy tình cảm vợ chồng không còn nữa, từ khoảng tháng 3 năm 2025 đến nay ông, bà đã không còn ở chung với nhau.

Qua xác minh người thân hai bên đương sự thấy rằng việc ông H và bà L có mâu thuẫn gì thì không nắm rõ, tuy nhiên từ đầu năm 2025 đến nay ông H và bà L không còn chung sống với nhau (thể hiện tại bút lục số 37, 38).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình. Bà L cho rằng bà và ông H không còn sống chung từ khoảng tháng 3 năm 2025 cho đến nay, không hàn gắn được.

Nay bà L xác nhận vợ chồng không còn tình cảm với nhau và yêu cầu được ly hôn, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con tên: Kiên Ngọc Q, sinh ngày 22/10/2012 và Kiên Ngọc M, sinh ngày 16/9/2016 hiện 02 con đang sống chung với bà, theo lời trình bày của bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con, mặt khác theo nguyện vọng của cháu Ngọc Q và cháu Ngọc M muốn được sống với bà L, từ đó nghĩ nên giao bà L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ngọc Q và cháu Ngọc M sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Ông Kiên H có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng/cháu cấp dưỡng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

Tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*", do đó bà L yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật. Tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết: 01/2024 ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình quy định "*Tiền cấp dưỡng nuôi con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng*

và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con". Theo Nghị định số 74/2024 ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu thì ông H đang cư trú tại địa phương thuộc vùng IV mức lương tối thiểu là 3.450.000 đồng. Đối chiếu quy định trên ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.725.000 đồng/tháng cho mỗi người con là phù hợp quy định pháp luật, cấp dưỡng đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

[2.4] Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu, nên không xem xét.

[2.5] Về án phí: bà Nguyễn Thị Ngọc L có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, ông Kiên H có nghĩa vụ chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

[2.6] Xét quan điểm của Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 Luật hôn nhân gia đình;

Các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 7 Nghị quyết số: 01/2024 ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị định số: 74/2024 ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc L.

- Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Kiên H được ly hôn.

- Về nuôi con: bà Nguyễn Thị Ngọc L được tiếp tục nuôi dưỡng con 02 tên Kiên Ngọc Q, sinh ngày 22/10/2012 và Kiên Ngọc M, sinh ngày 16/9/2016.

ông Kiên H được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Kiên H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 1.725.000 đồng/cháu, cấp dưỡng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu, nên không xem xét.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004244, ngày 06/10/2025 do Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long thu, bà Nguyễn Thị Ngọc L đã nộp đủ tiền án phí.

Ông Kiên H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

2. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

(*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*).

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Vĩnh Long.
-VKSND khu vực 11 – Vĩnh Long.
-THADS tỉnh Vĩnh Long.
-Các đương sự.
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Trúc Linh